

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 07 - 7 - 2022

V/v kiện chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thị Vui.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 và ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST - TCDS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc kiện chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST - TCDS ngày 25 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST – TCDS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kh - Sinh năm: 1954;

Địa chỉ: Đội 8 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kh là chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1976; Địa chỉ: Đội 15 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th - Sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Đội 4 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Đội 7 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M là ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đội 4 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bà Nguyễn Thị Ch – Sinh năm: 1976;
Địa chỉ: Đội 15 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
- Bà Nguyễn Thị Th1 – Sinh năm: 1956;
Địa chỉ: Đội 7 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th1 là ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đội 4 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
- Bà Nguyễn Thị Nh – Sinh năm: 1960;
Địa chỉ: Tổ 1 ấp 8, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Nguyễn Quang Tr – Sinh năm: 1963;
Địa chỉ: Đội 4 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
- Ông Nguyễn Văn B – Sinh năm: 1966;
Địa chỉ: Đội 4 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B là ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đội 4 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
- Bà Nguyễn Thị G – Sinh năm: 1969;
Địa chỉ: Đội 6 Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
* Người làm chứng: Ông Trần Văn Ch – Sinh năm: 1961.
Tại phiên tòa có mặt bà Ch, ông Th, bà G, ông Tr và ông Ch;
Vắng mặt bà Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Sinh thời bố bà là cụ Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1931, đã chết ngày 25/12/2003. Mẹ bà là cụ Trần Thị C, sinh năm: 1931, đã chết ngày 23/02/2013 sinh được 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch. Ngoài ra, bố mẹ bà không có bất kỳ vợ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Trong quá trình chung sống bố mẹ bà có tạo dựng được thửa đất có tổng diện tích là 1.510 m² và được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/03/1992 với số thửa đất là 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m²; trong đó đất ở 360m², đất vườn 790m², đất ao là 360m² mang tên Nguyễn Văn Kh. Trên thửa đất của bố mẹ bà, bố mẹ bà có xây dựng một ngôi nhà xây gạch, mái ngói.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3046/QĐ – UBND thu hồi 1.361,0 m² quyền sử dụng đất của bố mẹ bà và Quyết định số: 5047/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định

cư đối với các hộ dân có đất bị thu hồi tại xã N, trong đó có số tiền bồi thường cho việc thu hồi quyền sử dụng đất của bố mẹ bà. Tại Phương án bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của Hội đồng bồi thường hỗ trợ & tái định cư dự án đường trục đối với hộ cụ Nguyễn Văn Kh xác định tiền bồi thường việc thu hồi quyền sử dụng đất của bố mẹ bà là 4.411.644.000 VNĐ và giá trị bồi thường đối với ngôi nhà bố mẹ bà xây dựng là 146.942.780 VNĐ. Sau khi quyền sử dụng đất bố mẹ bà bị thu hồi 1.361 m², thửa đất bố mẹ bà còn lại 149 m² quyền sử dụng đất (giá trị ước tính 500.000.000 VNĐ). Như vậy, di sản bố mẹ bà để lại ước tính là 5.058.587.000 VNĐ.

Ngày 19/12/2019, ông Nguyễn Văn Th mặc dù chưa được tất cả các anh chị em trong gia đình ủy quyền nhưng ông đã tự ý đứng ra nhận toàn bộ số tiền bồi thường của UBND huyện N là 5.000.266.000 VNĐ, bao gồm cả tiền bồi thường giá trị thu hồi đất của bố mẹ bà và tiền bồi thường ngôi nhà bố mẹ xây. Sau khi nhận được thông tin ông Th đã nhận tiền bồi thường, anh em trong gia đình có nhiều lần thỏa thuận phân chia di sản của bố mẹ để lại nhưng ông Th không đồng ý. Do các bên không thể thống nhất quan điểm nên không thể thỏa thuận để khai nhận di sản thừa kế của bố mẹ bà. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại là thửa đất số 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m² xã N và giá trị ngôi nhà của bố mẹ bà để lại. Nhưng nay bà xin thay đổi như sau: Bà xác định di sản thừa kế của bố mẹ bà là cụ ông Nguyễn Văn Kh và cụ bà Trần Thị C để lại là thửa đất theo giấy chứng nhận của bố mẹ là thửa đất số 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m² xã N (Nay thửa đất bị nhà nước thu hồi 1.361 m² để giải phóng mặt bằng làm đường trục với số tiền được đền bù là 4.411.644.000 VNĐ và diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi là 149m²). Do phần di sản của mẹ bà là cụ Trần Thị C đã định đoạt cho ông B và ông Th nên bà không yêu cầu chia. Nay bà chỉ yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của bố bà là cụ Nguyễn Văn Kh để lại cụ thể là ½ giá trị thửa đất theo giấy chứng nhận của bố mẹ là thửa đất số 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m² xã N (Nay thửa đất bị nhà nước thu hồi 1.361 m² để giải phóng mặt bằng làm đường trục với số tiền được đền bù là 4.411.644.000 VNĐ và diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi là 149m²). Về giá trị diện tích đất bị thu hồi nhà nước đã đền bù bà nhất trí không có ý kiến gì. Nay do ông Nguyễn Văn Th đã đứng lên nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng của UBND huyện N và đang quản lý sử dụng 149m² đất còn lại nên bà đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật đối với một nửa số tiền được bồi thường từ việc thu hồi quyền sử dụng đất của bố bà để lại là 4.411.644.000 VNĐ và 149 m² đất còn lại (trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²). Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày: Sinh thời bố ông là cụ Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1931,

đã chết ngày 25/12/2003. Mẹ ông là cụ Trần Thị C, sinh năm: 1931, đã chết ngày 23/02/2013 sinh được 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch. Ngoài ra, bố mẹ ông không còn có vợ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Khi bố mẹ ông còn sống đã bàn bạc với nhau về tài sản có là 4,2 sào đất trong đó có 1 sào đất ở, 1 sào đất ao và 2,2 sào đất vườn. Cho anh B 1 sào đất ao, cho anh Th 1 sào đất ở và còn lại 2,2 sào đất vườn để sử dụng vào việc khi già yếu, ốm đau bệnh tật cần đến tiền. Nếu như sử dụng không hết thì để dành dụm lại sau này xây mộ cho hai người. Đến năm 2003 cụ ông Nguyễn Văn Kh bị bệnh tai biến mất đột ngột vào tuổi 71 không để lại giấy tờ gì. Còn mẹ ông với sức khoẻ bình thường đến ngày 17/02/2010 mẹ ông tổ chức cuộc họp gia đình để thực hiện theo nguyện vọng của bố ông. Mẹ ông tổ chức cuộc họp gia đình, báo tất cả gia đình các con đến nhà mẹ ông, riêng gia đình chị Nh ở miền Nam không về được và gia đình chị Ch làm ăn vỡ nợ bỏ đi cả gia đình không biết ở đâu.

Các thành viên dự họp gồm những người như sau: Cụ bà Trần Thị C (là mẹ), ông Nguyễn Văn Đ (là con rể, chồng chị M), bà Nguyễn Thị M (là con gái), ông Nguyễn Xuân T (là con rể, chồng chị Kh), ông Nguyễn Văn Th (là con rể, chồng chị Th1), bà Nguyễn Thị Th1 (là con gái); ông Nguyễn Quang Tr (là con trai trưởng trong gia đình), ông Nguyễn Văn B (là con trai thứ), ông Trần Văn Ch (là con rể, chồng chị G) và ông (là con trai út). Nội dung cuộc họp mẹ ông và mọi người thống nhất như sau: Diện tích đất cho anh B 1 sào đất ao; Cho ông Th 1 sào đất ở để làm nhà ở với mẹ, còn 2,2 sào đất vườn và toàn bộ tài sản trên đất, hoá giá cho anh Th bằng 2 cây vàng và số vàng trên ông vẫn quản lý. Chỉ lấy khi mẹ ốm đau, hoặc cần đến tiền khi tuổi già. Nếu không sử dụng hết sau khi mẹ qua đời dùng số tiền còn lại vào việc xây mộ cho bố mẹ, con cái không phải đóng góp. Riêng sào đất ao cho ông B thì ông B đã bán luôn cho ông Th với giá 25.000.000 đồng. Khi nào xây mộ cho bố mẹ, thì lấy số vàng hoá giá đất của bà, anh em có trách nhiệm làm giấy tờ bìa đỏ cho ông Th thì làm cả giấy tờ của ông B 1 thể vì chung 1 sổ đỏ. Sau khi thống nhất như trên mọi người đồng ý ký biên bản. Riêng ông T (chồng bà Kh) nói: Để anh về nói với chị lên ký cho hợp pháp. Sau đó anh em nhà ông không để ý đến việc ký kết nữa, nên gia đình anh T không ký tên trong biên bản họp gia đình. Sau khi hoá giá đất ông đã xây dựng nhà kiên cố trên mảnh đất đó và ở với mẹ ông. Sau hai năm mẹ ông 81 tuổi hay ốm đau, vợ chồng chị Ch cũng đã về thăm mẹ. Và có lần mẹ ốm phải đi Hà Nội, có lần đi Nam Định. Các lần đi viện anh em tập trung đông đủ bàn việc đưa mẹ đi viện và lấy tiền của ông Th để chi trả. Có 1 lần đi viện Hà Nội lấy của ông 01 chỉ vàng, còn mấy lần sau hết bao nhiêu ông B và ông bỏ ra.

Đến năm 2013 mẹ ông cụ Trần Thị C chết, hàng năm giỗ chạp bàn đến việc xây lại mộ và lấy số vàng còn lại ra xây. Đến năm 2018 gia đình ông tổ chức cải mộ cho bố mẹ ông có đủ 09 anh em cũng trong năm 2018 thì giải phóng mặt bằng làm đường qua đất ruộng của bố mẹ ông. Sau khi đền bù giải phóng mặt bằng ruộng của bố mẹ ông gồm: 184.000.000 đồng, hỗ trợ lương thực cho ông là 10.350.000 đồng. Do đất ruộng đó gồm có phần ruộng của bố mẹ ông, của bà Nh, bà Ch và của ông lên anh em ông có bàn bạc chia như sau: mẹ 80.000.000 đồng, chị Nh 35.000.000 đồng, chị Ch 35.000.000 đồng và ông là 34.000.000 đồng. Riêng chị Ch ở miền nam ông liên lạc qua điện thoại và con ông Tr gửi qua ngân hàng nông nghiệp N vào miền nam cho chị Ch. Và mọi người lấy số vàng hóa giá đất cho ông đang giữ cùng tiền đền bù ruộng ra để xây mộ cho bố mẹ. Về ngôi nhà năm gian thì sau khi mẹ ông chết năm 2013 ông đã phá đi làm từ chân móng lên. Về đền bù thì đền bù trên cái nhà mà ông đã xây dựng.

Nay bà Kh khởi kiện chia di sản thừa kế của bố ông là cụ Nguyễn Văn Kh để lại là 1/2 giá trị thửa đất số 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m² xã N (Nay thửa đất bị nhà nước thu hồi 1.361 m² để giải phóng mặt bằng làm đường trục với số tiền được đền bù là 4.411.644.000 VNĐ và diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi là 149m² (trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²) theo quy định của pháp luật thì ông không nhất trí vì tại buổi họp gia đình mẹ ông đã có quan điểm bán và cho ông thửa đất này. Việc bán và cho chỉ có biên bản họp gia đình nói trên ngoài ra ông không có giấy tờ gì khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Quang Tr vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vừa là người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông nhất trí với quan điểm của ông Th đã trình bày. Khi bố ông là cụ Nguyễn Văn Kh chết năm 2003 thì không để lại di chúc. Đối với biên bản họp gia đình lấy tên chị M là Đ và chị Th1 là Th là lấy tên theo chồng. Khi mẹ ông là cụ Trần Thị C còn sống thì mẹ ông đã tổ chức cuộc họp gồm mười người là hóa giá đất cho ông Th như đã trình bày. Sau khi mẹ chết mọi người đều họp hành về việc cải mộ. Khi cải mộ năm 2018 mọi người đều họp, đến khi xây xong là năm 2020 không ai có ý kiến gì, đến khi hoàn thành xong mới có ý kiến. Nay bà Kh khởi kiện chia di sản thừa kế của bố ông là cụ Nguyễn Văn Kh để lại là 1/2 giá trị thửa đất số 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m² xã N (Nay thửa đất bị nhà nước thu hồi 1.361 m² để giải phóng mặt bằng làm đường trục với số tiền được đền bù là 4.411.644.000 VNĐ và diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi là 149m² (trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²) theo quy định của pháp luật thì ông không nhất trí vì gia đình ông căn cứ vào biên bản họp gia đình theo ý kiến của mẹ thửa đất trên đã bán và cho ông Nguyễn Văn Th. Nếu như các ông bà được hưởng

thừa kế thì các ông bà để lại phần thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Văn Th. Đối với phần diện tích đất bị nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng và đền bù ông Th đã nhận ông nhất trí không có ý kiến gì.

- Bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Ông Th có khai trong cuộc họp mẹ để lại toàn bộ thừa đất cho ông B và ông Th thì không có mặt bà, bà không biết. Tại biên bản họp năm 2010 không có mặt vợ chồng bà Kh ông T và chữ ký trong đó không phải của mẹ bà nhưng bà không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của mẹ bà trong biên bản họp nói trên. Bà không đồng ý với biên bản họp gia đình vì các ông đã tự tổ chức mà không cho bà biết các ông lấy lý do bà vợ nợ nhưng trong thời gian đó con ông Tr vào sống cùng gia đình bà, vợ ông Tr còn đến nhà bà để vay tiền và nói mẹ bà bị ốm đi viện ông Th bỏ tiền ra là không đúng vì mẹ bà chết vẫn còn tiền bỏ ra làm ma, tiền xây mộ cho bố mẹ bà là tiền đền bù ruộng vào năm 2018 bố mẹ bà đã được đền bù 80.000.000 đồng số tiền đó đủ để làm mộ đá. Việc ông Th làm nhà bà không có ý kiến gì là do bà không biết việc họp gia đình bán, cho đất ông Th mặt khác thừa đất này là của bố mẹ bà còn việc ông Th xây sửa nhà là do ông Th ở trên đó. Nhưng khi thừa đất bị thu hồi đền bù thì các con phải được hưởng thừa kế như nhau. Nay bà nhất trí với quan điểm khởi kiện của nguyên đơn, bà chỉ yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của bố bà là cụ Nguyễn Văn Kh để lại cụ thể là: $\frac{1}{2}$ giá trị thừa đất theo giấy chứng nhận của bố mẹ là thừa đất số 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m² xã N (Nay thừa đất bị nhà nước thu hồi 1.361 m² để giải phóng mặt bằng làm đường trục với số tiền được đền bù là 4.411.644.000 VNĐ và diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi là 149m²). Về giá trị diện tích đất bị thu hồi nhà nước đã đền bù bà nhất trí không có ý kiến gì. Nay do ông Nguyễn Văn Th đã đứng lên nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng của UBND huyện N và đang quản lý sử dụng 149m² đất còn lại nên bà đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật đối với một nửa số tiền được bồi thường từ việc thu hồi quyền sử dụng đất của bố bà để lại là 4.411.644.000 VNĐ và 149 m² đất còn lại (trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²).

- Bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà nhất trí với quan điểm của bà Ch đã trình bày. Việc mua bán đất giữa ông Th và bố mẹ bà là không đúng. Bà đề nghị chia thừa kế của bố mẹ bà cho 8 anh chị em vì ông Tr đã có đất rồi. Khi ma chay cúng giỗ các con đều có trách nhiệm nên bà phải có phần về di sản của bố mẹ bà để lại. Đối với biên bản họp gia đình thì bà không nhất trí vì hôm họp bà không có mặt và bà cũng không ký vào biên bản họp, còn những người con rể có mặt ký vào đó thì không hợp pháp. Bà nhất trí với giá mà UBND huyện N đã bồi thường. Nay bà yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của bố bà là cụ Nguyễn Văn Kh để lại cụ thể là: $\frac{1}{2}$ giá trị thừa đất theo giấy chứng nhận của bố mẹ là thừa đất số 243, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1.510 m² xã N (Nay thừa đất bị nhà nước thu hồi 1.361 m² để giải

phóng mặt bằng làm đường trục với số tiền được đền bù là 4.411.644.000 VNĐ và diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi là 149m²). Nay do ông Nguyễn Văn Th đã đứng lên nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng của UBND huyện N và đang quản lý sử dụng 149m² đất còn lại nên bà đề nghị Toà án chia thừa kế theo pháp luật đối với một nửa số tiền được bồi thường từ việc thu hồi quyền sử dụng đất của bố bà để lại là 4.411.644.000 VNĐ và 149 m² đất còn lại (trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²).

- Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt (bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng lời khai của bà Nguyễn Thị Nh thể hiện: Bố mẹ đẻ của bà là cụ Nguyễn Văn Kh chết ngày 25/12/2003 và cụ Trần Thị C chết sau cụ Kh 10 năm, bà không nhớ ngày tháng cụ thể. Cụ Kh và cụ C có 03 người con trai là Nguyễn Văn Th, Nguyễn Quang Tr và Nguyễn Văn B; 06 người con G là Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị G với thông tin về năm sinh, địa chỉ như Tòa án thông báo là đúng. Ngoài ra không còn người con nào khác. Hiện tất cả 09 người con đều đang còn sống. Đối với toàn bộ nội dung tranh chấp của bà Kh thì bà đã ủy quyền cho ông Tr được toàn quyền quyết định mọi vấn đề nên ý kiến của ông Tr cũng là ý kiến của bà. Việc UBND huyện N thu hồi đất thì bà có biết và đồng ý với việc thu hồi này. Đối với Biên bản họp gia đình ngày 17/02/2010 thì bà không có mặt nhưng bà đã được thông báo nội dung. Bà hoàn toàn đồng ý với nội dung biên bản. Sau đó các thành viên đã họp và thống nhất. Vì bà ở xa, không có điều kiện về nhưng bà thống nhất và không có ý kiến. Nay bà Kh yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ thì bà không đồng ý và yêu cầu bà Kh thực hiện theo ý nguyện của cha mẹ.

Người làm chứng ông Trần Văn Ch trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị G, vào ngày 17/02/2010 tại nhà cụ bà C thì dưới sự chủ trì của ông Nguyễn Quang Tr là con trai trưởng của cụ C gồm ông; vợ chồng ông Đ; ông Tr; ông B và vợ chồng ông Th. Tại buổi họp bà C khoảng 80 tuổi, lúc đó bà C tuổi đã cao và không nói câu nào tại phiên họp gia đình. Tại phiên họp gia đình, ông Tr có nói các con gái khi lấy chồng đã có của hồi môn còn các con trai khi bố còn sống có hứa cho mỗi người con trai 1 sào đất. Ông Tr là người lập biên bản và ghi theo ý kiến của ông Tr đã nói. Trước đây khi cụ Kh còn sống cụ Kh không có di chúc gì.

Quá đình điều tra xác minh thu thập chứng cứ xác định:

- Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2021 thể hiện:

Tổng diện tích đất còn lại sau khi thu hồi tại thửa 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 149m², trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m² (Có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường đê dài 13,33m; Phía Nam giáp đường dài 0m; Phía Tây giáp đường trục phát triển dài 26,6m; Phía Đông giáp đường dòng xóm dài 23,46m).

Về công trình xây dựng trên đất gồm: 01 nhà vệ sinh mái bằng xây bi dài 2,7m; rộng 1,5m; dài 2,5m; rộng 2,7m; 01 nhà ở mái tôn, xây bi nền láng xi măng cửa gỗ ván ghép chiều cao nhỏ hơn 3,3m; dài 7,8m; rộng 2,7m; dài 11,7m; rộng 10,5m; 01 đại mái tôn dài 7,8m; rộng 4,3m; cao 2,05m; 01 tường rào bao quanh vườn xây bi dài 21,2m; cao 0,4m; 01 rào sắt lưới B41 dài 21,2m; cao 1,4m; 01 cửa tôn dài 3m; cao 2,3m; 01 tôn bao quanh dài 16,4m gồm các cạnh (4,3m; 7,8m và 1,3m); cao 2,05m. Ngoài ra, không còn tài sản gì yêu cầu thẩm định.

- Tại biên bản định giá tài sản ngày 10/11/2021 thể hiện:

Về giá đất: Căn cứ theo quyết định 46/2019 ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định quy định như sau: Giá đất ở tại vị trí thửa đất số 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 600.000đ/m²; đất vườn ao là 75.000đ/m².

Căn cứ theo quyết định số 2527 ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Nam Định quy định giá đất cụ thể bồi thường và tái định cư giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường trục xác định giá đất ở tại thửa 243 tờ bản đồ số 5 xã N giá đất ở là 3.540.000đ/m²; đất vườn ao 3.135.000đ/m².

Căn cứ theo quyết định số 13/2019 ngày 06/05/2019 của UBND tỉnh Nam Định. Hội đồng định giá tiến hành định giá các công trình trên đất như sau: 01 nhà vệ sinh mái bằng xây bi dài 2,7m; rộng 1,5m; cao 2,5m có giá: 10.057.065đ; 01 nhà ở cao dưới 3,3m; mái tôn xây bi nền láng vữa xi măng; cửa gỗ ván ghép có giá: 71.285.721đ; 01 đại mái tôn dài 7,8m; rộng 4,3m có giá: 12.738.492đ; 01 tường rào xây bi dài 21,2m; rộng 0,4m có giá: 10.607.210đ; 0,1 rào lưới B41 có giá: 5.315.688đ; 01 cửa tôn dài 3m, rộng 2,3m có giá: 2.177.610đ; 01 tôn bao quanh đại mái tôn dài 13,4m; cao 2,05m có giá: 10.433.106đ.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thống nhất xác định nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 10/11/2021 và không có ý kiến gì thay đổi; cụ thể: giá đất ở là 3.540.000đ/m²; đất vườn ao là 3.135.000đ/m².

Tại phiên tòa các đương sự cũng không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán cũng như hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 634, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Kh là ½ quyền sử dụng diện tích tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 5 xã N có giá trị là 2.439.825.000 đồng. Số tiền trên được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Trần Thị C (là vợ) và 9 người con của cụ Kh gồm:

Bà Nguyễn Thị M; bà Nguyễn Thị Kh; bà Nguyễn Thị Th1; bà Nguyễn Thị Nh; ông Nguyễn Quang Tr; ông Nguyễn Văn B; bà Nguyễn Thị G; ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch; mỗi người được hưởng 1/10 giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Kh là 243.982.500 đồng. Do cụ C đã chết và thể hiện ý chí tại biên bản họp gia đình cho đất cho con trai là ông Th và ông B; ông Tr, ông B, bà M, bà Th1, bà Nh đều không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Kh là chia di sản thừa kế của cụ Kh và cụ C, những người liên quan cũng không có yêu cầu độc lập. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kh; bà Nguyễn Thị G; và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người số tiền là 243.982.500 đồng.

Giao cho ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng thửa đất còn lại sau khi bị thu hồi tại thửa 243 tờ bản đồ số 5 xã N với diện tích 149 m2.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Tòa án tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định: Buộc bà Ch, bà G, ông Th phải nộp án phí theo quy định. Miễn án phí đối với bà Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về chia di sản thừa kế. Di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích đất ở tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định là tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt nhưng bà Nh đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn Kh chết vào năm 2003 không để lại di chúc. Ngày 23 tháng 02 năm 2013 cụ Trần Thị C chết. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự 2015: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản...” thì yêu cầu chia di sản thừa kế cụ Kh và cụ C để lại của bà Nguyễn Thị Kh còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về di sản thừa kế:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thấy có căn cứ xác định: Theo hồ sơ 299 hộ cụ Nguyễn Văn Kh và cụ Trần Thị C được đăng ký tên trên hồ sơ 299 với thửa số 243, tờ bản đồ số 5

với diện tích 1.510 m²; trong đó đất ở 360m², đất vườn 790m², đất ao là 360m². Các đương sự đều xác định nguồn gốc thửa đất 243 tờ bản đồ số 5 xã N là của cụ Kh và cụ C.

Thửa đất nói trên đã bị thu hồi giải phóng mặt bằng 1.361m² và được bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi theo quyết định là: 4.411.644.000 đồng. Tổng diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi của thửa 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 149m², trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m². Tại bản định giá tài sản ngày 10/11/2021, giá trị quyền sử dụng còn lại của thửa đất số 243 tờ bản đồ số 5 xã N sau khi bị thu hồi có giá trị là 468.006.000 đồng. Tổng giá trị thửa đất 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 4.879.650.000đ.

Do cụ Nguyễn Văn Kh và cụ Trần Thị C là vợ chồng nên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cụ C và cụ Kh có phần quyền ngang nhau đối với khối tài sản chung của vợ chồng nên mỗi người có quyền đối với 1/2 tài sản chung vợ chồng là giá trị thửa đất 243 tờ bản đồ số 5 xã N trị giá là 2.439.825.000 đồng. Do cụ Kh chết trước cụ C nên cụ C còn được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ Kh để lại theo luật. Nay cụ Kh và cụ C đều đã chết, không có nghĩa vụ, chi phí phải thanh toán, nên phần tài sản này của mỗi người chuyển thành di sản thừa kế.

[2.2] Đối với biên bản họp gia đình có chữ ký của cụ Trần Thị C lập ngày 17/02/2010 Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Kh, bà Ch và bà G đều yêu cầu không công nhận biên bản họp gia đình là hợp pháp. Vì chữ ký trong biên bản họp gia đình đó không phải chữ ký của cụ C nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Kh, bà Ch và bà G không yêu cầu Toà án trung cầu giám định chữ ký của cụ C là thật hay giả. Tại phiên toà hôm nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ch và bà G đều có quan điểm phần di sản của mẹ bà đã định đoạt thì các bà tôn trọng không có ý kiến gì. Còn phần di sản của bố bà là cụ Kh để lại thì phải chia thừa kế theo pháp luật vì khi cụ Kh chết không để lại di chúc gì.

[2.3] Về nội dung của biên bản họp gia đình:

Đối với biên bản họp gia đình có chữ ký của cụ Trần Thị C lập ngày 17/02/2010 có nội dung: "... Phía Nam cắt theo chiều đông tây. Cắt cho chú B 360 m², tiếp theo cắt cho chú Th 360 m², còn lại 790 m² hóa giá cho chú Th số đất trên và nhà toàn bộ trên đất..."

Xét thấy quyền sử dụng tại thửa 243, tờ bản đồ số 5 ở xã N là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Kh và cụ Trần Thị C. Cụ Kh và cụ C là vợ chồng hợp pháp do đó Theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình thì cụ Kh và cụ C mỗi người có quyền sử dụng ½ diện tích đất tại thửa 243, tờ bản đồ số 5 ở xã N. Tuy nhiên, trong biên bản họp gia đình cụ C đã định đoạt cả khối tài sản chung của hai cụ. Do đó di chúc này là di chúc hợp pháp một phần, cụ thể là phần định đoạt đối với tài sản là quyền sử dụng ½ diện tích đất có hiệu lực. Phần diện tích đất còn lại thuộc quyền

sử dụng của cụ Kh, cụ C không có quyền định đoạt diện tích đất đó. Do đó, quyền sử dụng đất $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại xác định là di sản của cụ Kh, do cụ Kh chết không để lại di chúc nên phần di sản này được chia theo pháp luật cho cụ C và 09 người con là phù hợp.

Theo biên bản họp gia đình ngày 17/02/2010 của cụ C chỉ định người thừa kế là ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn B, cụ C không có người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên di sản thừa kế của cụ C được định đoạt trong biên bản họp gia đình được chia cho ông Th và ông B. Nội dung biên bản họp gia đình thể hiện cụ C chia cho ông Th và ông B. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân có thể do hiểu biết pháp luật của cụ C còn hạn chế nên cụ C cho rằng mình có quyền tặng cho và bán toàn bộ thửa đất 243 tờ bản đồ số 5.

[2.4] Về diện và hàng thừa kế:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai thống nhất của các đương sự thể hiện Cụ Nguyễn Văn Kh và cụ Trần Thị C có 9 người con gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn Th, và bà Nguyễn Thị Ch. Ngoài ra, không có bất kỳ vợ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Năm 2003 cụ Nguyễn Văn Kh chết không để lại di chúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Kh gồm: Cụ C, bà M, bà Kh, bà Th1, bà Nh, ông Tr, ông B, bà G, ông Th và bà Ch.

Năm 2013 cụ Trần Thị C chết tài sản của cụ C đã được định đoạt tại biên bản họp gia đình xác định cụ C đã định đoạt phần tài sản của cụ cho ông Th và cho ông B 360m². Mặt khác nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm không yêu cầu chia phần di sản của cụ C do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn:

[3.1] Về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Kh:

Như đã phân tích ở trên, di sản thừa kế cụ Kh được chia theo pháp luật gồm: Di sản thừa kế cụ Kh để lại là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất thửa đất 243 tờ bản đồ số 5 tại xã N (Thửa đất nói trên đã bị thu hồi giải phóng mặt bằng 1.361m² và được bồi thường hỗ trợ theo quyết định là: 4.411.644.000 đồng. Tổng diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi của thửa 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 149m², trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m². Tại bản định giá tài sản ngày 10/11/2021, giá trị quyền sử dụng còn lại của thửa đất số 243 tờ bản đồ số 5 xã N sau khi bị thu hồi có giá trị là 468.006.000 đồng. Tổng giá trị thửa đất 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 4.879.650.000đ) giá trị di sản cụ Kh để lại là $4.879.650.000đ : 2 = 2.439.825.000$ đồng.

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Kh được chia làm 10 phần thừa kế gồm cụ C; bà M; bà Kh; bà Th1; bà Nh; ông Tr; ông B; bà G; ông Th và bà Ch. Như vậy mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 243.982.500 đồng. Tuy nhiên bà M; bà Th1; bà Nh; ông Tr; ông B có quan điểm nếu các ông bà được hưởng quyền thừa kế thì các ông bà không nhận và để phần của mình được hưởng cho ông Th. Do ông Th đang quản lý số tiền đền bù đối với diện tích đất bị thu hồi và ông cũng đang quản lý phần diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi là 149m² (Trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²) nên ông Th phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Kh, bà G và bà Ch mỗi người 243.982.500 đồng.

Đối với kỹ phần thừa kế của cụ Trần Thị C được hưởng, Hội đồng xét xử thấy: Tại biên bản họp gia đình cụ C đã định đoạt phần tài sản của mình để hết cho ông Th và ông B 360m² do vậy kỹ phần mà cụ C được hưởng thừa kế của cụ Kh để lại được chia cho ông Th.

Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác.

[3.2] Về phân chia di sản bằng hiện vật:

Di sản thừa kế trong vụ án này là thửa đất số 243 tờ bản đồ số 5 ở xã N: Thửa đất trên đã bị thu hồi một phần, sau khi thu hồi còn lại 149m² (Trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²). Hiện nay số tiền được đền bù và phần diện tích đất còn lại nói trên ông Nguyễn Văn Th đang quản lý sử dụng và cũng đã xây các công trình kiên cố trên đất. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, căn cứ biên bản họp gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy phần diện tích còn lại không thể chia bằng hiện vật được nên giao phần đất còn lại 149m² (Trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²) tại thửa 243 tờ bản đồ số 5 ở xã N cho ông Nguyễn Văn Th trực tiếp quản lý sử dụng và thanh toán chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Ch là phù hợp.

[9] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kh là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự là bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Văn Th được hưởng di sản thừa kế, nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 6 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp; Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 611, 612, 613, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh.

2. Xác nhận quyền sử dụng thửa đất số 243 tờ bản đồ số 5 xã N tổng diện tích 1.510m² là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Kh và cụ Trần Thị C.

3. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Kh là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích 1.510m² tại thửa đất số 243 tờ bản đồ số 5 xã N. Thửa đất nói trên đã bị thu hồi giải phóng mặt bằng 1.361m² và được bồi thường hỗ trợ theo quyết định là: 4.411.644.000 đồng. Tổng diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi của thửa 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 149m², trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m². Tại bản định giá tài sản ngày 10/11/2021, giá trị quyền sử dụng còn lại của thửa đất số 243 tờ bản đồ số 5 xã N sau khi bị thu hồi có giá trị là 468.006.000 đồng. Tổng giá trị thửa đất 243 tờ bản đồ số 5 xã N là 4.879.650.000đ; giá trị di sản cụ Kh để lại là 4.879.650.000đ : 2 = 2.439.825.000 đồng. (Toàn bộ số tiền đền bù và diện tích đất còn lại đang do ông Nguyễn Văn Th quản lý sử dụng).

- Giao cho ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng phần đất còn lại sau khi bị thu hồi tại thửa 243 tờ bản đồ số 5 xã N với diện tích 149 m² (Trong đó đất ở là 2,2m²; đất vườn là 146,8m²; Có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường đê dài 13,33m; Phía Nam giáp đường dài 0m; Phía Tây giáp đường trục phát triển dài 26,6m; Phía Đông giáp đường dọc xóm dài 23,46m). Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kh; bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người số tiền là 243.982.500 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kh; bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người được nhận số tiền chênh lệch tài sản từ ông Nguyễn Văn Th là 243.982.500 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $(1.707.877.500đ = 36.000.000đ + (907.877.500đ \times 3\%)) = 63.236.325$ đồng.

- Bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị Ch mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.199.000 đồng.

- Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kh.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bà Nguyễn Thị Nh. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương